

Số: 21/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn
2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 1304/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 128/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã;

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

3. Xã được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Đối tượng 1: các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối tượng 2: các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Đối tượng 3: các xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Huyện được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Đối tượng 1: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Đối tượng 2: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 2 quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, đồng thời không có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Đối tượng 3: các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn 01 hoặc nhiều xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (*thực hiện theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình tại các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.

4. Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, không quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành, gồm: Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 84/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 104/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 sửa đổi nội dung Điểm 1b, Mục 1 biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - HĐND.




CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)



TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
I	Các nội dung, công việc hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025							
1	Công trình, dự án phát triển y tế	70%	30%	70%	30%	70%	30%	
2	Hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
3	Hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
4	Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
5	Công trình nước sạch tập trung	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
6	Công trình xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
7	Công trình, dự án đầu tư thuộc Chương trình OCOP...	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
II	Các nội dung, công việc hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025							
1	Công trình, dự án phát triển y tế		100%		100%		100%	
2	Hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện		96%		93%		90%	

TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
3	Hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng		96%		93%		90%	
4	Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải		96%		93%		90%	
5	Công trình nước sạch tập trung		96%		93%		90%	
6	Công trình xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề		96%		93%		90%	
7	Công trình, dự án đầu tư thuộc Chương trình OCOP...		96%		93%		90%	
III	Các nội dung, công việc không thuộc mục I, mục II phụ lục này							
1	Xây dựng và nâng cấp đường giao thông							
1.a	Đường giao thông đến trung tâm xã (1)		96%		93%		90%	
1.b	Đường giao thông thôn, xóm		96%		93%		90%	
1.c	Đường giao thông nội đồng		96%		93%		90%	
2	Hệ thống thủy lợi nội đồng		96%		93%		90%	
3	Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã		96%		93%		90%	
4	Trường học công lập							
4.a	Trường trung học phổ thông (hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học)		100%		100%		100%	

TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
4.b	Trường trung học cơ sở	100%		100%		100%		
4.c	Trường tiểu học	100%		100%		100%		
4.d	Trường mầm non	100%		100%		100%		
5	Trạm y tế xã	100%		100%		100%		
6	Văn hóa, thể thao							
6.a	Trung tâm thể thao xã	96%		93%		90%		
6.b	Nhà văn hóa xã	96%		93%		90%		
6.c	Khu thể thao thôn, làng	96%		93%		90%		
6.d	Nhà văn hóa thôn, làng	96%		93%		90%		
7	Công trình cấp nước sinh hoạt	96%		93%		90%		
8	Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn	96%		93%		90%		
9	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	96%		93%		90%		
10	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn	96%		93%		90%		
11	Hệ thống lưới điện nông thôn	96%		93%		90%		

TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
12	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã	96%		93%		90%		
13	Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản	96%		93%		90%		
14	Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp	96%		93%		90%		
15	Đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	96%		93%		90%		
16	Cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn	96%		93%		90%		
17	Công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn.	96%		93%		90%		

Ghi chú: Các đối tượng 1, 2, 3 được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

(1): Đối với đường đến trung tâm xã tại các địa phương không thể huy động được vốn góp của người dân và doanh nghiệp, được phép cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.